TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS – ST
Ngày: 07 – 4 – 2023
V/v "Tranh chấp đòi tài sản,
tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp đòi tài sản, tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thụ lý số 26/2023/TLST – DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST – DS ngày 21 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐXXST – DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 và số 110/2023/QĐST – DS ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Châu K, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng M, số công chứng 175, quyển số 01/2023 TP/CC – SCC/HĐGD, ngày 17/01/2023).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số D, khóm E, phường F, thành phố X, tỉnh An Giang.

Nơi làm việc: Sở N tỉnh An Giang, số 07, đường E, phường F, thành phố X, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Châu N1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bà Trần Châu D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Trần Châu N1 và bà Trần Châu D ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng M, số công chứng 175, quyển số 01/2023 TP/CC – SCC/HĐGD, ngày 17/01/2023).

Tại phiên tòa, có mặt ông Nguyễn Phú H, ông Trần Văn N vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Châu K, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là ông Nguyễn Phú H trình bày:*

Do giữa bà Trần Châu N1 (chị ruột bà K) và ông N có mối quan hệ quen biết từ trước nên bà K mới quen với ông N. Đến khoảng năm 2020, bà K cần đầu tư vốn mua bất động sản để kiếm lời nên có nhờ ông N mua giúp 01 căn chung cư và đặt cọc tiền để nhận chuyển nhượng đất tại Long Xuyên. Do tin tưởng ông N nên bà K đã giao trực tiếp 680.000.000 đồng cho ông N để nhờ ông N mua chung cư, giao ngày nào không nhớ rõ, tại quán cà phê, có mặt bà Trần Châu N1, hai bên không làm biên nhận nhận tiền. Sau khi giao tiền cho ông N thì ông N không mua chung như đã hứa hẹn mà lại sử dụng số tiền 680.000.000 đồng vào việc khác nên bà K có yêu cầu lấy lại vốn và ông N thừa nhận có nhận số tiền này tại đoạn ghi âm cuộc gọi giữa bà N1 và ông N (đã nộp cho Tòa án). Ngoài ra, bà K còn chuyển khoản 154.000.000 đồng để ông N đặt cọc cho bà mua đất nhưng ông N cũng không sử dụng tiền này đúng như đã hứa. Số tiền này, bà K nhờ chị là bà Trần Châu D chuyển khoản cho ông N vào các ngày 07/9/2020 chuyển 5.000.000 đồng, ngày 20/10/2020 chuyển 30.000.000 đồng, ngày 27/10/2020 chuyển 4.000.000 đồng, ngày 31/10/2020 chuyển 8.000.000 đồng, ngày 06/02/2021 chuyển 7.000.000 đồng và ngày 23/02/2021 chuyển 100.000.000 đồng. Sau khi nhận 680.000.000 đồng và 154.000.000 đồng đến nay ông N vẫn không giao cho bà giấy tờ gì để thể hiện là ông N đã mua chung cư và đặt cọc mua đất giúp bà nên bà K nhiều lần yêu cầu ông N trả lại tiền nhưng ông N không trả lời, không hứa hẹn.

Ngoài ra, bà K còn nhiều lần cho ông N mượn tiền, tổng cộng là 1.187.000.000 đồng, số tiền này bà K cũng nhờ bà D chuyển khoản vào số tài khoản mang tên ông N mở tại N1 hàng S số 070107141802. Cụ thể, ngày 02/02/2021 chuyển 220.000.000 đồng, ngày 22/02/2021 chuyển 150.000.000 đồng, ngày 06/4/2021 chuyển 500.000.000 đồng, ngày 26/4/2021 chuyển 300.000.000 đồng và ngày 25/5/2021 chuyển 17.000.000 đồng.

Thời gian qua, bà K nhắn tin yêu cầu ông N trả lại tiền, ông N lặng thinh không trả lời nên bà K khởi kiện. Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà K là file ghi âm cuộc gọi ông N thừa nhận có nhận 680.000.000

đồng và 04 tờ sao kê sổ phụ tài khoản của bà Trần Châu D. Như vậy, bà K yêu cầu ông N trả lại cho bà 834.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền đã mượn là 1.187.000.000 đồng. Về tiền lãi thì chỉ yêu cầu trả lãi khi có đơn yêu cầu thi hành án.

** Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 15/02/2023, bị đơn là ông Trần Văn N trình bày:*

Ông và bà Trần Châu K là bà con bên nội. Thời gian qua, do có làm ăn, mua bán với nhau nên giữa ông và bà K nhiều lần chuyển tiền, đưa gửi tiền qua lại. Do có mâu thuẫn nhỏ nhặt nên bà K mới khởi kiện ông. Ông đề nghị được tự thỏa thuận và sẽ chủ động trao đổi với bà K trong vòng 60 ngày. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác, không có tài liệu để nộp cho cho Tòa án.

Ngày 15/3/2023, ông N có mặt tại phiên tòa, ông cho rằng ông chỉ trực tiếp giao dịch tiền bạc với bà Trần Châu N1 (chị của bà K) và có yêu cầu hoãn phiên tòa, đề nghị được thương lượng với bà K.

** Theo các văn bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Châu N1, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp cho bà N1 là ông Nguyễn Phú H trình bày:*

Vào khoảng năm 2018, qua nhiều mối quan hệ làm ăn nên bà N1 có quen biết với ông Trần Văn N. Đến khoảng năm 2020, do bà Trần Châu K (em ruột bà N1) có nhu cầu nhận chuyển nhượng nhà ở bán lại kiếm lời nên giới thiệu ông N với bà K để mua chung cư ở thành phố Long Xuyên với giá là 680.000.000 đồng. Giữa bà K và ông N thỏa thuận cụ thể như thế nào về việc mua chung cư này thì bà N1 không rõ. Do chỗ quen biết và tin tưởng ông N làm việc tại Cơ quan Nhà nước nên bà N1 cùng bà K đến gặp và trực tiếp đưa cho ông N số tiền 680.000.000 đồng tại quán cà phê. Sau khi giao nhận tiền xong, ông N không thực hiện mua chung cư. Bà N1 có liên hệ trực tiếp qua điện thoại để hỏi ông N lý do nhưng ông N luôn tìm cách trốn tránh, không nghe điện thoại. Đến ngày 13/7/2022, bà N1 tiếp tục liên hệ qua điện thoại để trao đổi và tại lần nói chuyện này, ông N thừa nhận có nhận cố tiền 680.000.000 đồng của bà K. Bà N1 đã gửi đoạn ghi âm này cho K để nộp cho Tòa án. Ngoài ra, bà N1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Châu K.

** Theo các văn bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Châu D, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp cho bà D là ông Nguyễn Phú H trình bày:*

Bà D là chị ruột của bà Trần Châu K, bà được biết bà K quen biết với ông N qua sự giới thiệu của bà Trần Châu N1. Khoảng năm 2020, bà K có nhờ ông N đặt cọc mua đất ở thành phố X. Do là chị em ruột trong gia đình nên bà K nhờ bà chuyển khoản các khoản tiền, cụ thể như sau: Ngày 07/9/2020 chuyển 5.000.000 đồng, ngày 22/10/2020 chuyển 30.000.000 đồng, ngày 27/10/2020 chuyển 4.000.000 đồng, ngày 31/10/2020 chuyển 8.000.000 đồng, ngày 02/02/2021 chuyển 220.000.000 đồng, ngày 06/02/2021 chuyển 7.000.000 đồng, ngày 22/02/2021 chuyển 150.000.000 đồng, 23/02/2021 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 06/4/2021

chuyển 500.000.000 đồng, ngày 26/4/2021 chuyển 300.000.000 đồng và ngày 25/5/2021 chuyển 17.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền 1.341.000.000 đồng trên là số tiền của bà K nhờ bà D dùng số tài khoản cá nhân chuyển vào số tài khoản cá nhân số 070107141802 mang tên Trần Văn N mở tại N1 hàng S. Ngoài ra, bà D không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Châu K, không tranh chấp đối với số tiền 1.341.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Phú H là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn, cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Trần Châu N1 có mở Công ty buôn bán vật tư N nên quen biết với ông Trần Văn N. Từ khi quen biết ông N, ông N nhiều lần giúp đỡ bà N1 trong việc kinh doanh nên bà N1 đặt niềm tin ở ông N rất lớn. Bà Trần Châu K quen biết ông N do bà N1 giới thiệu. Năm 2020, do bà K muốn đầu tư nhà đất ở X và được sự giới thiệu, hứa hẹn của ông N là ông có thể mua giá rẻ hơn thị trường nên bà N1 giao tiền cho ông N để mua cho bà N1 01 căn chung cư M với giá là 680.000.000 đồng, giao bằng tiền mặt, giao trực tiếp cho ông N. Sau đó, bà N1 tiếp tục giao ông N 100.000.000 đồng để nhờ ông N đặt cọc mua đất mà theo ông N giới thiệu là đất này mua sẽ có lời do ngay đường tránh sắp khởi công. Tiền này bà N1 nhờ bà D chuyển khoản, nội dung chuyển khoản ghi rõ là nhờ cọc mua đất. Do ông N không thực hiện mua chung cư hay đặt cọc đất cho bà N1 nên bà N1 nhiều lần hỏi thăm về số tiền này nhưng ông N hứa hẹn và sau đó gọi điện thoại không trả lời. Do thời gian ông N chiếm dụng tiền của bà K đã quá lâu nên bà K yêu cầu ông N trả lại 780.000.000 đồng. Còn lại 54.000.000 đồng là tiền ông N yêu cầu bà K chuyển khoản để ông làm chi phí đi lại mua chung cư cho bà K, khi bà K nhờ bà D chuyển khoản thì không ghi rõ nội dung nên bà K rút lại yêu cầu này. Về số tiền 1.187.000.000 đồng là ông N nhiều lần mượn bà K, mục đích mượn là để ông N hùn vốn làm ăn hay kinh doanh bất động sản thì bà K không rõ. Từ tháng 12/2021, bà K, bà N1 nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu ông N trả tiền, ông N không nghe điện thoại nên bà N1, bà K có nhắn tin. Ngày 13/7/2022, bà N1 gọi điện thoại nói chuyện với ông N, ông N trả lời, toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện này được bà N1 ghi âm lại và giao cho bà K làm chứng cứ cho việc ông N có nhận 680.000.000 đồng nhưng ông N không mua chung cư cho bà K mà lại sử dụng tiền vào việc khác. Từ khi bà K gửi đơn khởi kiện tại Tòa án thì ông N chưa lần nào liên hệ với bà K cũng như bà N1 để trao đổi, thương lượng. Phía ông N không phản bác yêu cầu của bà K, không cung cấp tài liệu chứng cứ để phản bác mặc dù đã được tiếp cận. Do đến thời điểm này, giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau nên nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông N trả số tiền là 1.967.000.000 đồng, trong đó có tiền giao ông N để nhờ ông N mua giúp 01 căn chung cư là 680.000.000 đồng, 100.000.000 đồng là số tiền giao ông N để ông N đặt cọc mua đất cho bà và 1.187.000.000 đồng là tiền ông N mượn đến nay chưa trả. Nguyên đơn xác định không yêu cầu tính lãi chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Trần Châu K và ông Trần Văn N là tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bị đơn có nơi cư trú tại phường F, thành phố X, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Bà Trần Châu K là nguyên đơn, bà Trần Châu N1 và bà Trần Châu D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ủy quyền cho ông Nguyễn Phú H. Việc ủy quyền được lập thành văn bản, được chứng nhận và nội dung ủy quyền không trái với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp, và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của các Điều 177 và 179 của BLTTDS. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông N tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể, bà K không yêu cầu ông N trả lại số tiền là 54.000.000 đồng trong phần tiền nhờ đặt cọc đất 154.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, do đó được Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của BLTTDS.

Về nội dung:

[5] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là: 03 ảnh chụp thể hiện đoạn tin nhắn yêu cầu trả lại tiền, bản photo sổ phụ tài khoản, có thông tin khách hàng đối ứng và 01 USB có chứa nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa người nam và người nữ, có kèm theo văn bản tường trình của bà K về việc nội dung file ghi âm là cuộc nói chuyện giữa chị của bà là Trần Châu N1 với ông Trần Văn N.

[6] Trong giai đoạn Tòa án chuẩn bị xét xử, phía ông N thừa nhận có làm ăn qua lại lâu năm với bà K và chị bà K (là bà N1) nên giữa đôi bên nhiều lần chuyển tiền, đưa gửi tiền qua lại. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà K, ông N muốn được tự thương lượng.

[7] Xét thấy, ông N đã được tiếp cận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, đến thời điểm này, ông N vẫn không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản bác lại đối với những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự để xem xét, giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Đối với yêu cầu ông N trả số tiền 680.000.000 đồng: Để chứng minh cho việc đã giao số tiền 680.000.000 đồng, bà K cung cấp file ghi âm có dung lượng

18,684kb. Xét thấy, file ghi âm này là tài liệu nghe được và phía bà K có văn bản trình bày về xuất xứ của tài liệu, đồng thời kèm theo văn bản xác nhận của người đã cung cấp cho người xuất trình về xuất xứ của tài liệu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 95 của BLTTDS, xác định file ghi âm này là chứng cứ và căn cứ vào vào nội dung nghe được để giải quyết.

[8.1] Xét thấy, tại đoạn ghi âm thể hiện, ông N có nhận số tiền 680.000.000 đồng để mua giúp bà K căn hộ chung cư nhưng ông N không thực hiện đúng như thỏa thuận và căn chung cư mà bà K nhờ mua giúp đã được đứng tên người chủ sở H khác. Như vậy, ông N đã nhận 680.000.000 đồng từ năm 2020 nhưng đến nay, ông N vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh là ông đã mua chung cư cho bà K. Đồng thời, ông N cũng không cung cấp văn bản đã trả lại số tiền này cho bà K. Từ đó, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, ông N đang chiếm H không có căn cứ pháp luật đối với số tiền 680.000.000 đồng.

[8.2] Phía bà N1 xác định, phần tiền 680.000.000 đồng là của bà K, không phải của bà. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 188 và khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS 2015), chấp nhận yêu cầu này của bà K.

[9] Đối với yêu cầu ông N trả 100.000.000 đồng: Bà K cung cấp sổ phụ tài khoản của bà D có nội dung của khách hàng đối ứng là ông Trần Văn N. Xét thấy, tại sổ phụ phụ tài khoản thể hiện, ngày 23/02/2021, nội dung "Chau K ck bo coc tien dat" 100.000.000 đồng, số tài khoản nhận là 070107141802 tên Trần Văn N. Bà D có văn bản trình bày, số tiền này là bà K nhờ bà chuyển khoản cho ông N nên bà không tranh chấp. Lời trình bày của bà D phù hợp với nội dung của lần chuyển khoản trên. Phía ông N không có ý kiến phản bác, cũng không cung cấp có tài liệu, chứng cứ thể hiện đã trả lại tiền này cho bà K hay là đã sử dụng số tiền này đặt cọc đất thay cho bà K. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 188 và khoản 1 Điều 166 của BLDS 2015, tiếp tục chấp nhận yêu cầu này của bà K.

[10] Đối với số tiền 1.187.000.000 đồng: Qua sổ phụ tài khoản của bà Trần Châu D thể hiện:

[10.1] Ngày 02/02/2021 nội dung "Ck cho muon" số tiền 220.000.000 đồng tài khoản nhận là số 070107141802 tên Trần Văn N. Cũng cùng tài khoản nhận tiền này, ngày 22/02/2021, chuyển khoản 02 lần, nội dung "CK chau K cho muon" số tiền 120.000.000 đồng và nội dung "ck cho muon" số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 25/5/2021, nội dung là "cho muon" số tiền 17.000.000 đồng. Ngày 06/4/2021 nội dung "ck cho muon tien mua dat" số tiền 500.000.000 đồng, Ngày 26/4/2021 nội dung "K ck cho muon" số tiền 300.000.000 đồng.

[10.2] Bà D xác định, số tiền trên là bà chuyển khoản thay cho bà K, bà K là người cho ông N mượn tiền, số tiền này không phải của bà. Đồng thời, phía ông N cũng thừa nhận rằng, giữa ông và bà K có chuyển khoản tiền qua lại nhiều lần. Như vậy, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà K và ông N có xác lập hợp đồng vay tài sản không có thời hạn và không có lãi. Bà K cung cấp tài liệu là các đoạn tin nhắn bằng văn bản vào các ngày 29/12/2021, ngày 05/7/2022 và 16/11/2022 với nội dung yêu cầu ông N trả lại tiền. Đến thời điểm này, ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện là ông đã trả lại tiền này cho bà K, cũng không có

ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 469 BLDS 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông N trả tiền vay còn nợ là 1.187.000.000 đồng.

[11] Nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.220.000 (ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001223 ngày 11/01/2023 và biên lai thu số 0001525 ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 71.010.000 (bảy mươi mốt triệu không trăm mười nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 91, Điều 95, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 166, 181, 188, Điều 463, 465, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn tự nguyện rút, cụ thể là đối với yêu cầu đòi ông N trả lại 54.000.000 (năm mươi bốn triệu) đồng.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Văn N có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Châu K tổng số tiền là 1.967.000.000 (một tỷ chín trăm sáu mươi bảy triệu) đồng.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.220.000 (ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001223 ngày 11/01/2023 và biên lai thu số 0001525 ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 71.010.000 (bảy mươi mốt triệu không trăm mười nghìn) đồng.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.Long Xuyên
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Phạm Xuân Khanh